

Số: **115**/KH-UBND

Vĩnh Linh, ngày **16** tháng **11** năm 2021

KẾ HOẠCH

Hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Linh

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Nghị quyết 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Quyết định 1569/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Kết luận 872-KL/HU ngày 16/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Đề án số 1616/ĐA-UBND ngày 14/9/2021 của UBND huyện; Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 22/9/2021 của HĐND huyện về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025.

UBND huyện Vĩnh Linh xây dựng Kế hoạch hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh việc ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực của các tổ chức, cá nhân trong việc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh; từng bước tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, làm cho khoa học và công nghệ làm động lực quan trọng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

Phân đầu đến năm 2025:

+ Hỗ trợ thực hiện 6 dự án nghiên cứu ứng dụng, áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên bộ, công nghệ mới,

công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông, lâm, thủy sản; trong đó có 1 dự án ứng dụng công nghệ mới.

+ Hỗ trợ thực hiện 5 dự án nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.

+ Hỗ trợ thực hiện 5 dự án ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp phục vụ phát triển trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

+ Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng 02 doanh nghiệp/cơ sở; Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho 5 đối tượng.

3. Yêu cầu

- Các ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ cần hỗ trợ nhân rộng phải được lập thành đề án của tổ chức/ doanh nghiệp/ cá nhân, dự án có mục tiêu, nội dung thực hiện, sản phẩm cụ thể, có tính khả thi và đạt các tiêu chí theo các văn bản của tỉnh Quảng Trị đã ban hành; đảm bảo các điều kiện cụ thể, có khả năng huy động nguồn lực.

- Việc lựa chọn các mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ để hỗ trợ nhân rộng thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp và đúng quy định của pháp luật.

- Thông tin, báo cáo kịp thời theo quy định.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Hỗ trợ việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trên thị trường trong và ngoài tỉnh, hướng đến thị trường nước ngoài, tạo ngành nghề mới, xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

2. Đối tượng áp dụng

Tất cả các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện tham gia ứng dụng và nhân rộng tiến bộ khoa học kỹ thuật và phát triển công nghệ trên địa bàn huyện Vĩnh Linh; đảm bảo các điều kiện cụ thể, có đủ khả năng huy động nguồn lực để thực hiện dự án và chưa được hưởng các hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.

IV. NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ

1. Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 trong lĩnh vực Nông nghiệp và Công nghiệp

1.1. Dự án ứng dụng đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp

Đối với các dự án chuyển giao công nghệ; cải tiến và đổi mới công nghệ hoặc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao; hoàn thiện, đổi mới dây chuyền sản xuất trong công nghiệp và làng nghề ở nông thôn sẽ được hỗ trợ tối đa đến

30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

1.2. Dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Dự án xây dựng nhà kính, nhà màng có hệ thống quạt thông gió và bón phân qua hệ thống tưới nhỏ giọt, tưới phun sương tự động để trồng rau, hoa, quả cao cấp, hệ thống trồng rau thủy canh tĩnh, hồi lưu có diện tích từ 200 m² trở lên được xem xét hỗ trợ theo quy mô diện tích và công nghệ áp dụng, với mức hỗ trợ tối đa bằng 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết của dự án và tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

b) Dự án xây dựng nhà màng ứng dụng công nghệ tiên tiến nuôi trồng nấm có quy mô từ 100 m² trở lên được xem xét hỗ trợ theo quy mô diện tích và công nghệ áp dụng, với mức hỗ trợ tối đa bằng 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết của dự án và tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

1.3. Dự án sản xuất nhân giống quy mô công nghiệp đối với các loại giống cây lâm nghiệp bằng công nghệ nuôi cấy mô; Dự án sản xuất giống cây, con chất lượng cao trong trồng trọt, chăn nuôi và thủy hải sản

a) Dự án sản xuất giống cây lâm nghiệp bằng công nghệ nuôi cấy mô có quy mô số lượng từ 100.000 cây trở lên/năm (đủ tiêu chuẩn xuất vườn theo quy định) thì được hỗ trợ tùy theo quy mô diện tích và số lượng giống sản xuất, mức hỗ trợ tối đa bằng 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết của dự án và tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

b) Dự án sản xuất giống cây trồng, con nuôi, giống thủy hải sản mới, chất lượng cao thực hiện theo đúng quy trình sản xuất và có đầy đủ chứng nhận về chất lượng giống do Bộ NN&PTNT quy định thì sẽ được hỗ trợ tùy theo số lượng giống được sản xuất thực tế để định mức hỗ trợ một phần kinh phí mua giống, nguyên vật liệu (vật tư, phân bón, thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, bảo vệ thực vật); chi phí thuê chuyên gia; đào tạo tập huấn kỹ thuật, với mức hỗ trợ tối đa bằng 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết của dự án, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

1.4. Dự án sản xuất và chế biến cây dược liệu

a) Dự án sản xuất các chế phẩm sinh học để xử lý môi trường; xử lý chất thải chăn nuôi; ủ phân hữu cơ; bổ sung thức ăn chăn nuôi; phòng ngừa bệnh hại, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi và bảo vệ môi trường, phục vụ phát triển bền vững trong sản xuất nông nghiệp, với mức hỗ trợ tối đa bằng 30% giá trị đầu tư mới cần thiết của dự án, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

b) Dự án sản xuất và chế biến cây dược liệu có diện tích từ 01 ha trở lên có hệ thống tưới tiết kiệm, với mức hỗ trợ tối đa bằng 30% giá trị đầu tư mới cần thiết của dự án, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

1.5. Dự án áp dụng các quy trình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp

a) Dự án áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến như quy trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), VietGAP, LobalGAP; quy trình chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp, an toàn sinh học (GAHP) được xem xét hỗ trợ một

phần kinh phí để mua giống, vật tư, phân bón, thức ăn gia súc, chi phí thuê chuyên gia; đào tạo tập huấn kỹ thuật chuyển giao quy trình công nghệ, chi phí phân tích mẫu, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, giấy chứng nhận, với mức hỗ trợ tối đa bằng 30% giá trị đầu tư mới cần thiết của dự án, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

b) Dự án áp dụng quy trình kỹ thuật công nghệ nuôi thâm canh, siêu thâm canh, tự động kiểm soát và xử lý môi trường bằng các công nghệ tiên tiến như chemicalfoc, biofloc, lọc sinh học trong nuôi tôm công nghiệp và các loại thủy hải sản có giá trị khác, có diện tích ao nuôi đạt từ 0,5 ha trở lên được hỗ trợ 10.000 đ/m², nhưng mức tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

1.6. Dự án ứng dụng và nhân rộng kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và công nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

Dự án ứng dụng, nhân rộng kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và công nghiệp được xem xét hỗ trợ tùy theo quy mô và công nghệ áp dụng và theo biên bản của Hội đồng tư vấn thẩm định dự án đề xuất mức kinh phí hỗ trợ cụ thể từng dự án, nhưng mức hỗ trợ tối đa bằng 30% tổng kinh phí thực hiện dự án và tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

1.7. Thời gian nộp hồ sơ

- a) Đợt 1: Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm;
- b) Đợt 2: Trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.

1.8 Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01).
- b) Thuyết minh Dự án theo mẫu (M.02a hoặc M.02b).
- c) Định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định kèm theo (nếu có).

d) Hợp đồng mua nguyên vật liệu; chi phí thuê chuyên gia, đào tạo tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chứng từ liên quan khác theo quy định.

Đối với dự án ứng dụng đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp: Hợp đồng mua bán thiết bị; Hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có), Các chứng nhận liên quan sản phẩm/thiết bị máy móc,...(nếu có)

đ) Đối với các dự án ứng dụng và nhân rộng kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp bao gồm:

- Bản phê tô Biên bản Hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ khoa học (công chứng);
- Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện của nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng nhân rộng.

e) Sau khi kết thúc dự án, tổ chức/cá nhân chủ trì phải hoàn thành báo cáo kết quả thực hiện dự án theo mẫu (M.03).

2. Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

2.1. Xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến

Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có giấy chứng nhận phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 27001 và các tiêu chuẩn tương đương khác được cấp bởi tổ chức chứng nhận/công nhận có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận/công nhận của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo quy định của pháp luật được hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/doanh nghiệp, cơ sở.

2.2. Tham gia giải thưởng chất lượng

Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt được giải thưởng chất lượng quốc gia, quốc tế Châu Á- Thái Bình Dương (GPEA) được hỗ trợ 30 triệu đồng/Giải thưởng chất lượng Châu Á-Thái Bình Dương; 20 triệu đồng/Giải vàng Giải thưởng chất lượng Quốc gia; 15 triệu đồng/Giải bạc Giải thưởng chất lượng Quốc gia.

2.3. Chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất có giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật được cấp bởi tổ chức có tư cách pháp nhân chứng nhận sự phù hợp có quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được hỗ trợ 10 triệu đồng/sản phẩm chứng nhận.

2.4. Chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật

Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất có giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật được cấp bởi tổ chức chứng nhận sự phù hợp có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được hỗ trợ 05 triệu đồng/sản phẩm chứng nhận.

2.5. Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở

Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất có Tiêu chuẩn cơ sở - Yêu cầu kỹ thuật được xây dựng không được trái với quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật hiện hành đồng thời phù hợp với trình độ tiến bộ khoa học và công nghệ, đáp ứng được yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh và được áp dụng cho sản phẩm được sản xuất tại doanh nghiệp/cơ sở sản xuất được hỗ trợ 03 triệu đồng/tiêu chuẩn cơ sở.

2.6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01);
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 2700,...

- Bản sao có chứng thực Hóa đơn và Hợp đồng đào tạo về hệ thống quản lý được chứng nhận (nếu có);

- Bản sao có chứng thực Hóa đơn và Hợp đồng tư vấn về hệ thống quản lý được chứng nhận (nếu có);

- Bản sao có chứng thực Hóa đơn và Hợp đồng đánh giá chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý tương ứng.

- Danh mục Hệ thống tài liệu đã ban hành.

b. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tham gia giải thưởng chất lượng

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đạt giải thưởng chất lượng đối với hoạt động tham gia giải thưởng chất lượng.

c. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật;

- Bản sao có chứng thực Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

- Hóa đơn và Hợp đồng đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

d. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật;

- Bản sao có chứng thực Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Hóa đơn và Hợp đồng đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật.

đ. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01).;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản chính Quyết định ban hành tiêu chuẩn cơ sở;

- Bản chính Công bố áp dụng tiêu chuẩn cơ sở;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đối với ngành nghề sản xuất có điều kiện theo quy định của pháp luật;

- Tiêu chuẩn cơ sở;

- Nhãn sản phẩm, hàng hóa tương ứng;

- Bản sao có chứng thực Phiếu kết quả thử nghiệm có đầy đủ các chỉ tiêu được quy định tại tiêu chuẩn cơ sở tương ứng của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ, được cấp bởi các phòng thử nghiệm được đăng ký hoặc chỉ định hoặc công nhận theo quy định pháp luật.

3. Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 trong lĩnh vực trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

3.1. Xây dựng, đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sáng chế hoặc giải pháp hữu ích

Các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tiến hành xây dựng, đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sáng chế hoặc giải pháp hữu ích được hỗ trợ 20 triệu đồng/văn bằng.

3.2. Xây dựng, đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp

Các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tiến hành xây dựng, đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp và tối đa không quá 03 nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp/năm/doanh nghiệp, cơ sở được hỗ trợ 3 triệu đồng/văn bằng.

3.3. Xây dựng, đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp đăng ký sở hữu ở nước ngoài

Các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tiến hành xây dựng, đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp đăng ký sở hữu ở nước ngoài được hỗ trợ 20 triệu đồng/văn bằng.

3.4. Xây dựng, đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp đối nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong nước

Các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tiến hành xây dựng, đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp đối nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong nước được hỗ trợ 50 triệu đồng/văn bằng.

3.5 Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bảo hộ về sáng chế hoặc giải pháp hữu ích

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01);
- Hồ sơ để đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng về việc thuê tư vấn đăng ký sáng chế hoặc giải pháp hữu ích (nếu có);
- Giấy chứng nhận bảo hộ sáng chế hoặc giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu trí tuệ cấp;
- Các chứng từ tài chính có liên quan (nếu có).

b. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bảo hộ về nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01);
- Giấy chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp do Cục Sở hữu trí tuệ cấp;
- Các chứng từ tài chính có liên quan (nếu có).

c. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp ở nước ngoài

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01);
- Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng về việc thuê tư vấn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp ở nước ngoài;
- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp ở nước ngoài do tổ chức Sở hữu trí tuệ ở nước ngoài cấp;
- Các chứng từ tài chính có liên quan (nếu có).

d. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong nước

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (M.01);
- Văn bản đề nghị hỗ trợ của UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Biên bản làm việc giữa Sở Khoa học và Công nghệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố với tổ chức đề nghị hỗ trợ để triển khai xây dựng, xác lập, bảo hộ;
- Hồ sơ để đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ hoặc hợp đồng và thanh lý hợp đồng về việc thuê tư vấn đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong nước (nếu có);
- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong nước do Cục Sở hữu trí tuệ cấp;
- Các hợp đồng, chứng từ tài chính có liên quan (nếu có).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ:

Ngân sách Nhà nước: Nguồn ngân sách từ Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh; nguồn ngân sách địa phương, ưu tiên sử dụng từ nguồn chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ cấp huyện. Dự kiến ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025: 3,36 tỷ đồng (Trong đó: kinh phí ngân sách nhà nước đề nghị hỗ trợ của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025: 2,36 tỷ đồng; kinh phí hỗ trợ từ nguồn chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ cấp huyện: 1 tỷ đồng).

Nguồn kinh phí đối ứng của các tổ chức, cá nhân. Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước, việc lập dự toán ngân sách hàng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và được bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan được giao chủ trì nhiệm vụ.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền đối với hoạt động KH&CN nói chung, ưu tiên hoạt động ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn huyện.

2. Nâng cao chất lượng các sản phẩm KH&CN: Các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN được thực hiện gắn bó chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn sản xuất - kinh doanh, tạo ra sản phẩm mới chất lượng, giá trị cao góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên hỗ trợ để hoàn thiện các kết

qua KH&CN có khả năng thương mại hóa. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm tra, thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn nhằm định hướng, hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc xác định công nghệ phù hợp, hiệu quả.

3. Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực KH&CN: củng cố và phát triển các tổ chức làm nhiệm vụ chuyển hóa các kết quả nghiên cứu, làm cầu nối giữa khoa học với sản xuất; xây dựng cơ chế phối hợp trong mạng lưới khuyến công, khuyến nông và các tổ chức KH&CN khác nhằm cung cấp dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ và ứng dụng các tiến bộ KH&CN; tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ KH&CN, các kết quả đề tài ứng dụng KH&CN được khẳng định đến cơ sở và người sản xuất để tạo thành chuỗi liên kết chặt chẽ giữa các khâu nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất, chế biến và thương mại hóa các sản phẩm KH&CN.

4. Tăng cường môi liên kết giữa 4 nhà (Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông) trong các hoạt động ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN. Từng bước nghiên cứu tạo lập môi trường pháp lý cho việc phát triển thị trường công nghệ phù hợp tại địa phương.

5. Xã hội hóa hoạt động KH&CN nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng KH&CN:

- Hướng dẫn doanh nghiệp lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhằm phục vụ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất của doanh nghiệp.

- Lồng ghép các chương trình, dự án KH&CN, với các chương trình phát triển kinh tế của huyện. Trích một phần kinh phí từ nguồn ngân sách của huyện, các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh cho hoạt động KH&CN phù hợp với từng lĩnh vực, ngành nghề.

- Có chính sách khen thưởng thỏa đáng kết quả sáng tạo KH&CN, các ứng dụng KH&CN, sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế- xã hội; có các chính sách về tín dụng ưu đãi, về thuế, đất đai, cơ sở hạ tầng nhằm khuyến khích đầu tư các dự án ứng dụng công nghệ cao phù hợp quy hoạch phát triển của huyện.

- Đơn giản hóa tối đa các thủ tục hỗ trợ để doanh nghiệp có thể dễ dàng tham gia và hưởng chính sách xã hội.

6. Hàng năm các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn phối hợp với phòng Kinh tế & Hạ tầng, phòng Tài chính - Kế hoạch đưa vào kế hoạch kinh tế - xã hội và kế hoạch ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ KH&CN để chủ động bố trí ngân sách hỗ trợ kịp thời và hiệu quả.

7. Giải pháp về nguồn kinh phí hỗ trợ:

- Hàng năm, căn cứ vào ngân sách của huyện để cân đối, bố trí vốn bổ sung cho sự nghiệp KH&CN huyện nhằm thực hiện kịp thời và hiệu quả.

- Kinh phí quản lý dành cho các hoạt động thẩm định, kiểm tra, giám sát và nghiệm thu, đánh giá kết quả các dự án được thanh toán từ nguồn kinh phí ngân

sách sự nghiệp khoa học của huyện (các dự án thuộc thẩm quyền của huyện), với định mức chi không quá 10% tổng kinh phí hỗ trợ của chính sách này hàng năm và áp dụng đúng theo Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Quy định về mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Quảng Trị.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của chính sách này phải đảm bảo việc huy động đầy đủ các nguồn vốn đối ứng, nhằm thực hiện các dự án đã được phê duyệt hỗ trợ.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế & Hạ tầng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các Phòng, Ban và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn liên quan thành lập các Hội đồng tư vấn, thẩm định hồ sơ; kiểm tra định kỳ và nghiệm thu, đánh giá kết quả các dự án theo tiến độ đã phê duyệt và đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ triển khai các dự án ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Công nghiệp, trong hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm hàng hóa.

- Phối hợp thẩm định hồ sơ dự án; lồng ghép các chương trình, dự án khoa học và công nghệ, phát huy hiệu quả chương trình khuyến công nhằm hỗ trợ có hiệu quả trong phát triển sản xuất công nghiệp và dịch vụ, phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và công nghiệp nông thôn. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện nhằm ổn định và phát triển thị trường cho các sản phẩm hàng hóa trên địa bàn huyện.

- Hằng năm, chủ trì, tổng hợp kế hoạch, dự toán ngân sách Nhà nước thực hiện Kế hoạch; phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định, trình quyết định theo thẩm quyền, đúng quy định.

- Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai kế hoạch này và đánh giá hiệu quả của chính sách về Ủy ban nhân dân huyện và Sở Khoa học và Công nghệ; đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch trên cơ sở ý kiến thống nhất bằng văn bản với các cơ quan có liên quan khi cần thiết.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp với Phòng Kinh tế & Hạ tầng tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch (những dự án thuộc thẩm quyền huyện hỗ trợ) theo khả năng cân đối ngân sách; phối hợp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thẩm định, xét duyệt, kiểm tra giám sát các nội dung hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất, lồng ghép và huy động các nguồn vốn để triển khai Kế hoạch này.

3. Phòng Nông nghiệp & PTNT

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế & Hạ tầng và các phòng, ban, ngành liên quan đề xuất danh mục các dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp trên cơ sở đáp ứng nhu cầu thực tiễn và phù hợp với quy hoạch của ngành.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế & Hạ tầng hỗ trợ triển khai đề án ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp phục vụ phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững.

- Hướng dẫn các chủ đầu tư dự án nông nghiệp công nghệ cao đăng ký cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định. Phối hợp với Phòng Kinh tế & Hạ tầng thẩm định hồ sơ các dự án ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

4. Trung tâm văn hóa – Thông tin và TDTT

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông như xây dựng các phóng sự, bài viết, chuyên đề phát trên đài phát thanh địa phương nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân về tầm quan trọng của chính sách hỗ trợ này.

5. Các phòng, ban, ngành và các đơn vị liên quan

- Có kế hoạch cụ thể, bố trí, huy động tối đa nguồn lực; hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất tiếp cận các chính sách ưu đãi, thuế, đất đai và các chính sách khác nhằm tập trung đẩy mạnh ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống; chú trọng đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ mới trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ; việc chuyển giao ứng dụng KH&CN trong nông nghiệp, nhất là công nghệ giống, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản - chế biến nông, lâm thủy sản; phát triển chăn nuôi kết hợp chế biến; bảo tồn, phát triển, khai thác có hiệu quả lợi thế về các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng, hình thành các sản phẩm chủ lực của mỗi vùng, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Phối hợp các đơn vị liên quan nhằm tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chính sách này.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế & Hạ tầng thẩm định về công nghệ, nội dung, quy mô và định mức kinh tế kỹ thuật; tổ chức các hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án đã được hỗ trợ.

6. UBND các xã, thị trấn

- Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN vào sản xuất và đời sống.

- Xây dựng kế hoạch, đề xuất đặt hàng, kêu gọi đầu tư các dự án ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

7. Trách nhiệm của các tổ chức, được hỗ trợ

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ từ chính sách này phải đảm bảo hồ sơ dự án đề nghị hỗ trợ.

- Đảm bảo huy động đủ các nguồn vốn ngoài ngân sách để đối ứng thực hiện dự án theo hệ số và cam kết trong hợp đồng hỗ trợ thực hiện; quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.

- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hoàn trả kinh phí được hỗ trợ trong trường hợp vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện dự án. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh bằng văn bản gửi về phòng Kinh tế & Hạ tầng để tổng hợp báo cáo UBND huyện xem xét, giải quyết phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh về hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện. / *bl*

Nơi nhận: *ph*

- UBND tỉnh;
- Sở Khoa học & Công nghệ;
- TT HU, HĐND, UBMT huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các Phó CVP UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VP-VT. *12*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Văn Thành